TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** **Thành phố Hồ Chí Minh**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 779/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16/7/2019.
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa: bà Phùng Thị Ngọc Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 427/2018/TLST – HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2018 về việc tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2019/QĐST- HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Trần Thị Cẩm G - sinh năm 1992 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 56/1E NTH, ấp H, xã B, huyện H, Tp.HCM.

Bị đơn: ông Nguyễn Hữu C – sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: 1/141B ấp Đ, xã T, huyện H, Tp.HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/3/2018, bản tự khai ngày 19/6/2018, biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 14/11/2018, biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 28/11/2018, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 28/11/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Trần Thị Cẩm G trình bày:

Bà và ông C tự nguyện về sống chung với nhau năm 2012 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Bình Định ngày 15/4/2013.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống có hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng xảy ra cãi vã nhưng bà chịu đựng và hàn gắn gia đình. Tuy nhiên sau đó mâu thuẫn này càng trầm trọng hơn, hai bên không có tiếng nói chung, ông C tụ tập bạn bè nhậu nhẹt, không có trách nhiệm với gia đình, một mình bà G lo

mọi việc trong nhà. Bà nhiều lần bỏ qua chịu đựng sống vì 02 con nhưng không khí gia đình ngày càng ngột ngạt, bà không thể chịu đựng được nữa nên yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn với ông C.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Trần Cát T - sinh ngày 16/02/2014 và Nguyễn Trần Ái M – sinh ngày 06/6/2016. Sau ly hôn bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 14/11/2018, bị đơn ông Nguyễn Hữu C trình bày:

Ông và bà G tự nguyện về sống chung với nhau năm 2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Bình Định ngày 15/4/2013.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống có hạnh phúc, sau này có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do không hiểu nhau nhưng ông nhận thấy có thể hàn gắn gia đình và cùng nhau lo cho hai con chung. Nhận thấy còn thương vợ con, ông sẽ cố gắng sửa đổi và đề nghị tòa án giải quyết đoàn tụ gia đình với bà G. Ông không đồng ý ly hôn với bà G.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Trần Cát T - sinh ngày 16/02/2014 và Nguyễn Trần Ái M – sinh ngày 06/6/2016.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Nguyễn Hữu C. Tuy nhiên, ông C vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

Tòa án đã tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt tại buổi xét xử. Nguyên đơn bà G vẫn giữ nguyên ý kiến yêu cầu và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Vụ án được Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn thụ lý đúng thẩm quyền; việc cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự tuân thủ đúng pháp luật; gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn luật định.

Phiên tòa được tiến hành đúng thời gian, địa điểm; thành phần Hội đồng xét xử đúng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Trong quá trình xét xử, Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử tuân thủ đúng nguyên tắc xét xử, đảm bảo cho các bên đương sự được phát biểu ý kiến, trình bày quan điểm và tranh luận tại phiên tòa.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: đây là tranh chấp ly hôn và bị đơn cư ngụ tại huyện Hóc Môn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh theo các quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về hôn nhân: theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12/2013 ngày 15/4/2013 do Uỷ ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Bình Định cấp cho bà G và ông C xác định quan hệ hôn nhân giữa bà G và ông C là hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về quan hệ vợ chồng: căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện trong cuộc sống hôn nhân giữa bà G và ông C không hạnh phúc, không hàn gắn được, vợ chồng không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, bà không còn tình cảm gì với ông C, không thể tiếp tục chung sống với ông C được nữa.

Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định nhằm tạo điều kiện để bà G và ông C trở về đoàn tụ với nhau nhưng ông C không đến, như vậy việc hàn gắn là không còn biện pháp. Mặc dù ông C không đồng ý ly hôn, mong muốn đoàn tụ vì cho rằng thương vợ con nhưng từ lúc Tòa án thụ lý vụ án đến nay bị đơn chưa có biện pháp nào thể hiện việc hàn gắn tình cảm vợ chồng, cả hai hiện tại vẫn sống ly thân. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà G và ông C đã trầm trọng, đời sống chung không thể thực hiện, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà G đối với ông C.

Về con chung: bà G và ông C có 02 con chung tên Nguyễn Trần Cát T - sinh ngày 16/02/2014 và Nguyễn Trần Ái M – sinh ngày 06/6/2016. Bà G yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, Hội đồng xét xử xét thấy hiện tại con chung đang sống với bà G, việc giao cho bà G trực tiếp nuôi con chung là phù hợp, đảm bảo được sự ổn định đồng thời đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của trẻ nên yêu cầu này của bà G là có cơ sở chấp nhận. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà G phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị Cẩm G và ông Nguyễn Hữu C.

2. Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Trần Cát T - sinh ngày 16/02/2014 và Nguyễn Trần Ái M – sinh ngày 06/6/2016. Sau ly hôn giao cho bà G trực tiếp nuôi dưỡng con chung, tạm ngừng việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông C cho đến khi có đơn yêu cầu của bà G.

Vì lợi ích của con chung, sau khi ly hôn ông C có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Đương sự khai không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng do bà Trần Thị Cẩm G chịu, được tính cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0018291 ngày 09 tháng 5 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn nên bà G không phải nộp thêm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết.

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Mai